Ngày soạn: 0**7/03/2023**

Ngày dạy: **14/03/2023**

**Tiết 43.** **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. Xác định mục tiêu kiểm tra:**

- Củng cố những kiến thức vùng Đông Nam Bộ và ĐBSCL.

- Thông qua bài kiểm tra đánh giá khả năng tiếp thu bài của học sinh, nhằm điều chỉnh quá trình giảng dạy, học tập của học sinh.

- Kiểm tra ở cả 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng.

**II. Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm và Tự luận

**III. Ma trân đề: 5-3-2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **Phân môn Địa Lí** | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **SỰ PHÂN HOA CÁC VÙNG LÃNH THỔ** | **Vùng Đông Nam Bộ** | TN: 7câu:  1,2,5,8,10,11,12 | *1TL 2A* |  | 1 TL  2B |  |  | |  |  | ***4,75%*** |
| **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long** | TN : 5câu 3,4,6,7,9, |  |  | 1TLC1 |  |  | |  | *1TL C3)* | ***5,25***  ***%*** |
|  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***50%*** | | ***30%*** | |  | | | ***20%*** | | ***100%*** |

**IV.BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | |
| 1 | **SỰ PHÂN HOA CÁC VÙNG LÃNH THỔ** | **ĐÔNG NAM BỘ**  – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.  -Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB? | 7TN  1TL 2A | 1TL2B |  |  |
| **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  **Thông hiểu**  – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  **Vận dụng**  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). | 5TN | 1TL C1 | 1TL C3 |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 13câu TNKQ | 2 câu TL | 1 câu  ***20%*** | |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***50%*** | ***30%*** |

**V .VIẾT ĐỀ TỪ MA TRẬN**

**TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

***Em hãy khoanh tròn câu đúng nhất, (Mỗi câu đúng 0,25điểm ):***

**Câu 1.** Vùng nào dưới đây ***không giáp*** với vùng Đông Nam Bộ?

A. Tây Nguyên. C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long . D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 2. Các trung tâm kinh tế lớn của Đông Nam Bộ gồm:**

A. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

B. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, TP Vũng Tàu.

C. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu.

D. TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**Câu 3. Loại đất có giá trị nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

A. đất phù sa ngọt. C. đất ba dan và đất xám trên phù sa cổ.

B. đất feralit. D. đất feralit trên đá vôi.

**Câu 4. Khoáng sản có trữ lượng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. bô xít. B. đá vôi, than bùn. C. dầu mỏ. D. khí đốt.

**Câu 5:** **Loại đất chiếm tỉ lệ ít nhất vùng Đông Nam Bộ là:**

A.Đất Feralit B.Đất badan C.Đất xám trên phù sa cổ. D.Đất phù sa.

**Câu 6. Ngư trường trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. Ninh Thuận - Vũng Tàu. C. Cà Mau – Kiên Giang.

B. Hải Phòng – Quảng Ninh. D. Hoàng Sa – Trường Sa.

**Câu 7. Đất phù sa ngọt của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở**

A. dọc sông Tiền, sông Hậu. C. Đồng Tháp Mười.

B. bán đảo Cà Mau. D. Tứ giác Long Xuyên.

**Câu 8.** Tỉnh nào sau đây ***không thuộc*** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Bình Phước. B. Bến Tre. C. Tây Ninh. D. Long An.

**Câu 9. Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh**

A. Long An. B. Cà Mau. C. An Giang. D. Kiên Giang.

**Câu 10. Khoáng sản có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. cao lanh B. sét C. dầu mỏ và khí tự nhiên D. bô xít

**Câu 11. Bãi tắm đẹp nổi tiếng, có giá trị du lịch của Đông Nam Bộ là:**

A. Vũng Tàu. B. Mũi Né. C. Cần Giờ D. Non Nước.

**Câu 12. Hồ thủy lợi quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. hồ Ba Bể. B. hồ Dầu Tiếng. C. hồ Thác Bà. D. hồ Lắk.

**TỰ LUẬN: (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** (2,0 điểm) Vì sao đồng bằng SCL là vùng trọng điểm lúa của cả nước?

**Câu 2:** . (3,0 điểm)

A. Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB? (2,0 điểm)

B.Tại sao ĐNB có sức hút mạnh nguồn đầu tư nước ngoài? (1,0 điểm)

**Câu 3:** (2,0 điểm) Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây:

Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2015 (nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **Đồng Bằng sông Cửu Long** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Cả nước** |
| **Cá biển khai thác** | 765,1 | 144,8 | 2076,7 |
| **Cá nuôi** | 1804,4 | 404,0 | 2536,8 |
| **Tôm nuôi** | 511,0 | 21,0 | 634,8 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long, và đồng bằng sông Hồng so với cả nước (cả nước = 100%)(1.5 điểm)

b. Rút ra nhận xét. (0,5 điểm)

**VI. ĐÁP ÁN**

**TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)** (Mỗi câu đúng cho 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Đáp án | D | C | A | B | D | C | A | B | D | C | A | B |

**TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Đồng bằng SCL là vùng trọng điểm lúa của cả nước:  -Khí hậu nóng ẩm quanh năm, thời tiết ít biến động, ít gió mạnh; lượng mua dồi dào  -Phù sa với diện tích lớn.   * Sông Mê Kông và mạng lưới kênh rạch chằng chịt,cung cấp nước ngọt * Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống, nhiều kinh nghiệm trồng cây lúa nước. * Có nhiều cơ sở chế biến và dịch vụ sản xuất lương thụ phát triển rộng. * Thị trường tiêu thụ rộng lớn và ổn định. | 2.0 |
| **2** | **Tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB:**  - Khu công nghiệp-xây dựng phát triển nhanh.  - Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của vùng, năm 2002 chiếm: 59,3% cao gấp 1,5 lần so với cả nước.  - Cơ cấu sản xuất CN cân đối, đa dạng  - Một số ngành CN quan trọng của vùng: Cơ khí, hóa chất, luyện kim, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm…  -TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa,Vũng Tàu là các trung tâm CN lớn của vùng (TP Hồ Chí Minh chiếm 50% giá trị sản xuất CN của vùng.)  **b ) ĐNB có sức hút mạnh nguồn đầu tư nước ngoài vì:**  -Đây là vùng KT năng động nhất, có CN phát triển nhất .  -Là vùng có cơ cấu KT tiến bộ nhất. | 2.0  1.0 |
| **3** | **a. Vẽ biểu đồ:**  \* **Xử lí số liệu:** (Đơn vị: %)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Sản lượng** | **Đồng Bằng sông Cửu Long** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Các vùng còn lại** | | Cá biển khai thác | 36,8 | 7,0 | 56,2 | | Cá nuôi | 71,1 | 15,9 | 13,0 | | Tôm nuôi | 80,5 | 3,3 | 16,2 |   **\* Vẽ biểu đồ cột chồng.**  - Có tên biểu đồ, chú giải, vẽ chính xác, đẹp. | 1.5 |
| **b. Nhận xét:**  Tỉ trọngsản lượng cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn đồng bằng sông Hồng và các vùng còn lại.  Tỉ trọngsản lượng cá biển khai thác của Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng, thấp hơn các vùng còn lại. | 0.25  0.25 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**  **Tổ : Sử -Địa- HĐTN**  **Họ và tên:..................... Lớp:……** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HKII**  **NĂM HỌC : 2022 – 2023**  **Môn: Địa lý 9. *Thời gian 45phút*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê của Thầy, cô giáo:** |

**I.TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

***Em hãy khoanh tròn câu đúng nhất, (Mỗi câu đúng 0,25điểm ):***

**Câu 1.** Vùng nào dưới đây ***không giáp*** với vùng Đông Nam Bộ?

A. Tây Nguyên. C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long . D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 2. Các trung tâm kinh tế lớn của Đông Nam Bộ gồm:**

A. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

B. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, TP Vũng Tàu.

C. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu.

D. TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**Câu 3. Loại đất có giá trị nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

A. đất phù sa ngọt. C. đất ba dan và đất xám trên phù sa cổ.

B. đất feralit. D. đất feralit trên đá vôi.

**Câu 4. Khoáng sản có trữ lượng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. bô xít. B. đá vôi, than bùn. C. dầu mỏ. D. khí đốt.

**Câu 5:** **Loại đất chiếm tỉ lệ ít nhất vùng Đông Nam Bộ là:**

A.Đất Feralit B.Đất badan C.Đất xám trên phù sa cổ. D.Đất phù sa.

**Câu 6. Ngư trường trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. Ninh Thuận - Vũng Tàu. C. Cà Mau – Kiên Giang.

B. Hải Phòng – Quảng Ninh. D. Hoàng Sa – Trường Sa.

**Câu 7.** Đất phù sa ngọt của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

A. dọc sông Tiền, sông Hậu. C. Đồng Tháp Mười.

B. bán đảo Cà Mau. D. Tứ giác Long Xuyên.

**Câu 8.** Tỉnh nào sau đây ***không thuộc*** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Bình Phước. B. Bến Tre. C. Tây Ninh. D. Long An.

**Câu 9. Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh**

A. Long An. B. Cà Mau. C. An Giang. D. Kiên Giang.

**Câu 10. Khoáng sản có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. cao lanh B. sét C. dầu mỏ và khí tự nhiên D. bô xít

**Câu 11. Bãi tắm đẹp nổi tiếng, có giá trị du lịch của Đông Nam Bộ là:**

A. Vũng Tàu. B. Mũi Né. C. Cần Giờ D. Non Nước.

**Câu 12. Hồ thủy lợi quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. hồ Ba Bể. B. hồ Dầu Tiếng. C. hồ Thác Bà. D. hồ Lắk.

**II. TỰ LUẬN: (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** (2,0 điểm) Vì sao đồng bằng SCL là vùng trọng điểm lúa của cả nước?

**Câu 2:** . (3,0 điểm)

A. Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB? (2,0 điểm)

B.Tại sao ĐNB có sức hút mạnh nguồn đầu tư nước ngoài? (1,0 điểm)

**Câu 3:** (2,0 điểm) Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây:

Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2015 (nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **Đồng Bằng sông Cửu Long** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Cả nước** |
| **Cá biển khai thác** | 765,1 | 144,8 | 2076,7 |
| **Cá nuôi** | 1804,4 | 404,0 | 2536,8 |
| **Tôm nuôi** | 511,0 | 21,0 | 634,8 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long, và đồng bằng sông Hồng so với cả nước (cả nước = 100%)(1.5 điểm)

b. Rút ra nhận xét. (0,5 điểm)

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**Câu 1:** Vì sao đồng bằng SCL là vùng trọng điểm lúa của cả nước?

**Câu 2:** .

A. Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB? (2,0 điểm)

B.Tại sao ĐNB có sức hút mạnh nguồn đầu tư nước ngoài? (1,0 điểm)

**Câu 3:** Nêu vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 4:** (2,0 điểm).Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất của cả nước?

**Câu 5**: (1điểm) .Kể tên các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

**Câu 6 :** Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây:

Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2015 (nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **Đồng Bằng sông Cửu Long** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Cả nước** |
| **Cá biển khai thác** | 765,1 | 144,8 | 2076,7 |
| **Cá nuôi** | 1804,4 | 404,0 | 2536,8 |
| **Tôm nuôi** | 511,0 | 21,0 | 634,8 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long, và đồng bằng sông Hồng so với cả nước (cả nước = 100%)(1.5 điểm)

b. Rút ra nhận xét. (0,5 điểm)

**Câu 7 : Vé biểu đồ cột ghép và cột chồng**

**Nhận xét**